

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 21-9-2020

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi;
2. Ông Ngô Văn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST-DS ngày 13/5/2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1968 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1938 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà NLQ1, sinh năm 1962 (có mặt).

+ Bà NLQ2, sinh năm 1975 (có mặt).

Đồng trú: Xóm Z, thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:*

+ Bà NLC1, sinh năm 1966 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: 4XX Phan Đình P, thành phố K, Kon Tum

+ Bà NLC2, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Y Trần Hưng Đ, thị trấn A, huyện K, Đắk Lắk

+ Bà NLC3, sinh năm 1964 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Xóm M, thôn H, xã G, huyện T, Bình Định

+ Ông NLC4, sinh năm 1955 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

+ Ông NLC5, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

+ Ông NLC6, sinh năm 1944 (có mặt).

+ Bà NLC7, sinh năm 1935 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

+ Anh NLC8, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn yêu cầu)

+ Anh NLC9, sinh năm 1976 (có mặt).

Đồng trú: Xóm z, thôn G2, xã G, huyện T1, Bình Định.
+ Ông NLC10, sinh năm 1962 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Trú tại: n/mATAV phường T.A, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (tranh chấp quyền sử dụng đất) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày: thửa đất tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định mà hiện nay ông đang ở có nguồn gốc là của cha mẹ ông tên là Võ B1, Nguyễn Thị N mua của bà Nguyễn Thị V vào năm 1959. Khi mua có làm giấy mua bán, có trích lục đất thời Pháp thuộc, diện tích khi mua là: ngang 14 thước, dài hết thửa đất. Năm 1960 cha mẹ ông xây dựng nhà ở có chừa một phần đất dọc hai bên nhà: phía Bắc một đường luồng, phía nam một đường luồng rộng khoảng trên 1m. Đường luồng phía Bắc giáp nhà đất bà Huỳnh Thị T thì cha ông có làm một hàng rào dây kẽm gai sát sân đất nhà bà T. Mái ngói ngôi nhà của cha ông chài ra nằm trong lối đi 1m này. Sau đó khoảng năm 1985 cha ông bán cho bà Nguyễn Thị M khoảng 180m² đất (chiều ngang khoảng 5,68m, dài hết đất), khi nhà nước đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì: thửa đất còn lại của cha ông (Võ B) là thửa đất số 810^p, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9m²), thửa đất bán cho bà Nguyễn Thị M là thửa số 810^o, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m² (nay ông NLC5 quản lý, sử dụng). Ông sống cùng cha mẹ quản lý thửa đất này. Năm 1998 mẹ ông chết, năm 2001 cha ông chết. Ông tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất này, có cải tạo, lấn chiếm một số diện tích đất xã quản lý. Tháng 6/2014 khi nhà nước xây dựng Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc có thu hồi từ thửa đất cha mẹ ông để lại 145,7m² (nằm ở phía đông thửa đất), ông đã nhận tiền đền bù, không có ý kiến gì. Đến cuối năm 2017 các anh chị em ruột của ông đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế và tặng cho ông thửa đất này. Tứ cận thửa đất này là:

- Đông giáp: Trụ sở UBND xã G cũ;
- Tây giáp: Đường bê tông xi măng;
- Nam giáp: nhà, đất bà Nguyễn Thị M (nay ông NLC5 sử dụng);
- Bắc giáp: nhà đất của bà Huỳnh Thị T nay là do bà NLQ1 khai thác sử dụng.

Các bên sinh sống với nhau và chấp nhận ranh giới đã có nên không có tranh chấp gì, cho đến năm 1993 thì bà T nhổ hàng rào thép gai ngăn cách giữa hai thửa đất thì cha ông có cản thì hai bên có tranh cãi qua lại nhưng không có báo cáo chính quyền địa phương. Ngoài ra, vào năm nào ông không nhớ rõ bà T có cắt bán một diện tích đất cho ông NLC10 sau đó ông NLC10 đổi đất với ông NLC6. Khi chưa bán đất cho NLC10 thì thửa đất của bà Huỳnh Thị T là hình thang (trước nhỏ sau thì to). Hiện nay thửa đất này có hình chữ nhật theo hướng tây đông. Tức là bà T bán đất hướng bắc cho ông NLC10 (sau này ông NLC10 đổi cho ông NLC6 để lấy đất phía sau giáp Nguyễn Thị MT).

Hàng rào thép gai làm ranh giới qua thời gian sử dụng lâu đã bị mục nát không còn, đường luồng phía Bắc giáp với nhà đất bà T thì gia đình ông không có sử dụng đi lại mà chỉ để nước mưa chảy xuống. Năm 2006 ông xây dựng lại nhà ở muốn dỡ ra xây lại trên toàn bộ diện tích, tức là xây cả trên phần đất đường luồng này nhưng bà T không cho. Hai bên tranh chấp từ đó đến nay. Năm 2006 ông có gửi đơn tranh chấp

đất, UBND xã G giải quyết nhưng hòa giải không thành, nhưng ông không yêu cầu và UBND xã G không chuyển hồ sơ để Tòa án giải quyết. Vì lúc đó con nhỏ, gia cảnh khó khăn không thể chờ giải quyết nên ông để lại phần diện tích đường luồng này không xây dựng. Đến năm 2018 bà T và bà NLQ1 (con bà T) ngang nhiên xây dựng nhà trên phần đất đường luồng này.

Theo trích lục thời Pháp thuộc thì chiều ngang thửa đất cha ông (Võ B1) mua năm 1959 là 14m, bán cho bà M một phần diện tích có chiều rộng là 5,68m. Vậy chiều ngang thửa đất còn lại phải là 8,4m. Nhưng đo đạc thực tế chiều ngang (rộng Tây) của thửa đất của ông chỉ còn lại 6,25m. Trong khi chiều rộng Tây thửa đất của bà Huỳnh Thị T nằm liền kề phía Bắc thửa đất của ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8,4m nhưng hiện nay đã tăng thêm thành 11,09m. Do vậy, diện tích thửa đất của ông bị mất là do bà Huỳnh Thị T cùng con gái là NLQ1 lấn chiếm.

Nay ông yêu cầu bà Huỳnh Thị T cùng con gái là bà NLQ1 trả lại phần diện tích mà mẹ con bà T và bà NLQ1 đang khai thác sử dụng chiều rộng bắc là 1,04 m dài dọc theo hết thửa đất. Hiện trên phần đất lấn chiếm có các công trình kiến trúc là một phần ngôi nhà bà T và bà NLQ1 mới xây dựng xong ông yêu cầu đập trả lại đất trống cho ông.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày: thửa đất số 143 (cũ 811^a), tờ bản đồ số 54 (cũ 17) diện tích 265,1m² (cũ 250m²) được UBND huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và được cấp đổi vào ngày 06/11/2007 có nguồn gốc là của cha mẹ bà để lại. Đất tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định; có tứ cận là:

- Đông giáp: một phần tường thửa đất ông Võ Văn B;
- Tây giáp: Đường bê tông xi măng;
- Nam giáp: thửa đất ông Võ Văn B;
- Bắc giáp: đất của ông NLC6.

Phần diện tích tăng thêm là do tháo dỡ mái hiên và hiện đã xây dựng thêm phần diện tích nhà mà mẹ con bà đang khai thác sử dụng.

Giữa nhà đất của bà và thửa đất của ông Võ B1 mà nay ông Võ Văn B đang khai thác sử dụng là vách tường của nhà ông Võ B1, không có hàng rào ngăn cách. Lối đi nhỏ khoảng gần 02 sải tay người lớn khoảng 01m là đất thuộc thửa đất của bà. Bà với ông Võ B1 sử dụng đất từ trước không có tranh chấp gì, cho đến năm 2006 khi ông Võ Văn B đòi xây dựng trên đất đường luồng này thì bà không đồng ý và hai bên đã tranh chấp. Ông B không xây dựng trên phần đất đường luồng này nữa. Năm 2018 bà và con gái là NLQ1 đã xây dựng trên phần đất đường luồng này một phần ngôi nhà. Thửa đất nhà bà chiều ngang ban đầu là 11m (theo bản đồ 299 cũng là 11m). Nên ông Võ Văn B yêu cầu bà cùng con gái là NLQ1 trả lại phần diện tích là ngang 1,04 m dài dọc theo hết thửa đất bà không đồng ý, bà xây dựng ngôi nhà trên phần diện tích đất do nhà nước cấp cho cha mẹ bà và đứng với ranh giới từ trước tới nay.

Tại các bản tự khai và biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1 trình bày: thửa đất số 143 (cũ 811^a), tờ bản đồ số 54 (cũ 17) diện tích 265,1m² (cũ 250m²) tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định - có nguồn gốc là của

ông, bà ngoại bà để lại, đã được UBND huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ bà là Huỳnh Thị T theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và được cấp đổi vào ngày 06/11/2007. Khoảng năm 1985 bà T có bán một phần diện tích cho ông NLC10, tuy nhiên bà không rõ diện tích bán là bao nhiêu. Tứ cận thửa đất của cha mẹ bà là:

- Đông giáp: một phần tường thửa đất ông Võ Văn B;
- Tây giáp: Đường bê tông xi măng;
- Nam giáp: thửa đất ông Võ Văn B;
- Bắc giáp: đất của ông NLC6.

Phần diện tích tăng thêm là do tháo dỡ mái hiên và hiện đã xây dựng thêm phần diện tích nhà mà mẹ con bà đang khai thác sử dụng.

Giữa nhà đất của mẹ bà và thửa đất của ông Võ B1 mà nay ông Võ Văn B đang khai thác sử dụng là vách tường của nhà ông Võ B1, không có hàng rào ngăn cách. Năm 1996 mẹ bà xây dựng nhà có chừa lại một phần đất làm đường luồng chiều ngang hơn 1m sát vách tường nhà ông Võ B1. Trên phần đường luồng này thì mẹ bà có che một mái hiên, có làm một đoạn hàng rào phía trước ngăn không cho người lạ vào đất của mẹ con bà, không làm hàng rào dài hết đất. Lối đi nhỏ khoảng gần 02 sải tay người lớn (khoảng 01m) là đất thuộc thửa đất của mẹ bà. Các bên vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì từ năm 1975 đến 2006. Năm 2006 ông Võ Văn B đòi xây dựng trên đất đường luồng này thì mẹ bà không đồng ý và hai bên đã tranh chấp. Ông B không xây dựng trên phần đất đường luồng này nữa. Năm 2018 nhà cũ dột nên mẹ con bà đã sửa lại nhà, đã xây dựng trên phần đất đường luồng này một phần ngôi nhà, vách tường nhà mẹ con bà vẫn xây trong ranh giới đất nhà mẹ bà. Thửa đất nhà mẹ bà chiều ngang ban đầu là 11m (theo bản đồ 299 cũng là 11m). Nên ông Võ Văn B yêu cầu mẹ con bà phải trả lại phần diện tích là ngang 1,04 m dài dọc theo hết thửa đất bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho mẹ con bà.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 trình bày: Bà là vợ ông Võ Văn B, bà kết hôn và về sống với ông B từ năm 1996. Khi đó hiện trạng nhà đất và ranh giới giữa nhà đất nhà ông B với nhà bà T là đúng như ông B trình bày. Bà hoàn toàn thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông B.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà NLC1, bà NLC2, bà NLC3, ông NLC4 trình bày: Các ông bà là anh chị của ông Võ Văn B. Ông bà thống nhất với trình bày của ông Võ Văn B về nguồn gốc thửa đất 810^p, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định) mà hiện nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9m² là của cha mẹ các ông bà để lại. Tứ cận thửa đất là:

- Đông giáp: Trụ sở UBND xã G cũ;
- Tây giáp: Đường bê tông xi măng;
- Nam giáp: nhà đất bà Nguyễn Thị M (nay ông NLC5 sử dụng). Ranh giới với thửa đất bà M trước đây có 01 lối đi chung khoảng 01 m.
- Bắc giáp: nhà đất của bà Huỳnh Thị T nay là do bà NLQ1 khai thác sử dụng.

Năm 1960 cha mẹ xây dựng nhà ở có chừa phần đất dọc hai bên nhà: phía Bắc một đường luồng, phía nam một đường luồng rộng khoảng trên 1m. Đường luồng

phía Bắc giáp nhà đất bà Huỳnh Thị T thì cha (ông B1) có làm một hàng rào dây kẽm gai sát sân đất nhà bà T. Mái ngói ngôi nhà của cha các ông bà chài ra nằm trong lối đi 1m này. Sau đó khoảng năm 1985 cha các ông bà bán cho bà Nguyễn Thị M khoảng 180m² đất (chiều ngang khoảng 5,68m, dài hết đất), khi nhà nước đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì: thửa đất còn lại của cha mẹ (Võ B1, Nguyễn Thị N) là thửa đất số 810^p, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9m²), thửa đất bán cho bà Nguyễn Thị M là thửa số 810^o, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m². Các bên sinh sống với nhau và chấp nhận ranh giới với nhau nên không có tranh chấp cho đến năm 1993 thì cha ông và bà T có tranh chấp, cụ thể bà T nhờ hàng rào thép gai là hàng rào ngăn cách thì cha ông có cản thì hai bên có tranh cãi qua lại nhưng không có báo cáo chính quyền địa phương.

Ông B sống cùng cha mẹ quản lý thửa đất này. Năm 1998 mẹ chết, năm 2001 cha chết. Ông B tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất này, có cải tạo, lấn chiếm một số diện tích đất xã quản lý. Tháng 6/2014 khi nhà nước xây dựng Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc có thu hồi từ thửa đất cha mẹ để lại 145,7m² (nằm ở phía đông thửa đất). Trên thửa đất của số 810^p, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² (hiện nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9 m²) của cha mẹ có ngôi nhà có mái ngói dài ra phía bà T nhưng vẫn nằm trong thửa đất của cha mẹ.

Khi em trai các ông bà là Võ Văn B đập nhà cũ của cha mẹ xây dựng lại xây trong phần ranh giới đất tức là xây theo mái ngói dài ra phía đất bà T thì bà NLQ1 con gái bà T không cho và hai bên tranh chấp từ khi đó.

Nay các ông bà yêu cầu bà Huỳnh Thị T và bà NLQ1 phải hoàn trả phần diện tích đất đang khai thác sử dụng có chiều ngang 1,04m; dài dọc theo hết thửa đất vì đó là đất thuộc quyền sử dụng của cha mẹ các ông bà (đã tặng cho ông Bảy năm 2017); Các ông bà không có chứng cứ gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo như hiện trạng mà các ông bà sinh sống đến năm 1990 tức là nhà và đất của cha mẹ có ranh giới với 02 thửa đất hai bên của bà Nguyễn Thị M và bà Huỳnh Thị T mỗi bên có 01 lối đi khoảng 01m. Phía bà M gia đình không mất đất vì ông B xây nhà lại đã xây sát vách nhà với nhà bà M, không có tranh chấp phía đất của bà M mà bị phía bà T lấn chiếm đất. Nên cụ thể yêu cầu bà T trả lại phần diện tích đất là lối đi cũ của cha mẹ mà bà T chiếm lấn.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông NLC10 trình bày: Ông có một thửa đất nằm liền kề với nhà đất ông NLC6. Vào năm 1985 vì đất của ông ngắn nên ông có đề nghị mua một phần đất của bà Huỳnh Thị T (nằm ở ranh giới đất của ông NLC6 và bà T) để dùng đổi lấy một phần đất của ông NLC6 có diện tích 17m x 4m - nằm phía sau thửa đất của ông. Diện tích đất mà ông mua của bà T để đổi cho ông NLC6 là đất phía sau có hình vòng cung rộng khoảng 3-4m, dài dọc hết thửa đất của bà T (phía bắc giáp ranh với thửa đất của ông NLC6 - tức nằm phía Bắc thửa đất bà T); tuy nhiên tiện lợi cho ông NLC6 sau này thì khi viết giấy mua bán ghi tên người mua là ông NLC6 nhưng người thỏa thuận mua đất, trả tiền cho bà T là ông. Sau đó khoảng năm 1998 ông đã bán thửa đất của mình + cả phần đất đổi được từ ông NLC6 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị N2 rồi vợ chồng ông N bán lại cho vợ chồng ông Trần Đình Đ. Từ năm 1975, khi ông về đây sinh sống thì ông B, bà T không có tranh chấp gì, cho đến năm 2006 ông B xây

nhà lại thì ông B và bà T tranh chấp quyền sử dụng đất là ranh giới của hai thửa đất. Hai thửa đất cũ ngăn cách bằng gì ông không để ý nên không biết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông NLC6 trình bày: Ông NLC10 có một thửa đất nằm liền kề với nhà đất của ông. Vào năm 1985 vì đất của ông NLC10 ngắn nên ông NLC10 có mua một phần đất của bà Huỳnh Thị T nằm ở ranh giới đất của ông và bà Huỳnh Thị T và đề nghị dùng đổi lấy một phần đất của ông nằm phía sau thửa đất của ông NLC10, có diện tích là 17m x 4m. Diện tích đất mà ông NLC10 mua của bà T để đổi cho ông là đất nằm phía sau có hình vòng cung, rộng khoảng 3-4m, dài dọc hết thửa đất của bà T (phía bắc giáp ranh với thửa đất của ông - tức nằm phía Bắc thửa đất bà T); tuy nhiên tiện lợi cho ông sau này làm sổ đỏ nên khi làm giấy mua bán ghi tên người mua là ông (NLC6), nhưng người thỏa thuận mua đất, trả tiền cho bà T là ông NLC10. Sau khi bán và đổi đất ông và ông NLC10, bà T không có tranh chấp gì. Còn sự việc tranh chấp giữa bà T với ông B thì ông không biết chi tiết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông NLC8, NLC9 (tại phiên tòa) trình bày: Các ông có quan hệ họ hàng với ông Võ Văn B. Nguồn gốc đất hai nhà các ông không biết; khoảng năm 2006 ranh giới hai thửa đất của ông B, bà T lối đi nội bộ trong gia đình, phần mái nhà cũ của ông Võ B1 lòi ra 02 bên che lối đi nội bộ này khoảng 0,3m - 0,4 m. Các ông không rõ đất đường luồng này thuộc đất của ai. Hai nhà khi đó chưa có làm tường rào, cổng ngõ. Năm 2006 ông B xây lại nhà và xác định không xây lên lối đi nội bộ này. Từ trước đến năm 2006 hai bên không có tranh chấp gì về đất đai. Năm 2006 ông B và bà T có tranh chấp đất đai nhưng cụ thể như thế nào các ông không biết, có nghe nói bà T dựa muối vào làm hư vách tường của ông B. Vì vậy khi ông B xây nhà mới bà T không cho thợ ông B qua nhà bà để tô vách phía tiếp giáp với thửa đất bà T. Ngoài ra các ông không biết gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà NLC7 trình bày: Nguyên trước đây, ranh giới ngăn cách thửa đất của ông Võ B1 (nay do ông Võ Văn B quản lý) và nhà đất bà Huỳnh Thị T là bằng dây thép gai không cố định. Nhà bà T với phần tiếp giáp của ông Võ B1 có 01 mái hiên nhưng vẫn nằm trong phần dây thép gai (chiều theo hướng thẳng đứng) và sát vách nhà của ông Võ B1. Tức là dây thép gai sát vách nhà ông Võ B1 và cách vách nhà bà T 0,5- 0,7m. Các bên xây nhà như hiện nay là trong ranh giới đất như lúc ban đầu. Trước thời điểm hai bên tranh chấp đất đai hai bên có mâu thuẫn gì không bà không biết.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T - ông Nguyễn Quốc Dũng có ý kiến (tại các văn bản số 98/TNMT-QLĐDD ngày 26/8/2019 và số 144/TNMT-QLĐDD ngày 20/12/2019):

Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9m² (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định) cấp cho ông Võ Văn B, có nguồn gốc là ông B nhận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại năm 2017. Theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cấp cho hộ ông Võ B1 là thửa đất số 810P, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² (400m² đất ở, 300m² đất trồng cây hàng năm khác). Trong thửa đất số 810P, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² vào năm 2014 nhà nước thu hồi có đền bù 145,7m² (nằm ở hướng đông của thửa đất) để xây dựng công trình khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh

Sắc. Sau khi ông Võ Văn B nhận thừa kế được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 126326 ngày 07/12/2017, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 (theo bản đồ tọa độ VN2000), diện tích 537,9m² (400m² đất ở, 137,9m² đất trồng cây hàng năm khác)

Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ hộ bà Huỳnh Thị T được cân đối giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 811^A, tờ bản đồ số 17 diện tích 250m² loại đất ở nông thôn (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định). Đến năm 2007 được cấp đổi thành thửa đất số 143, tờ bản đồ số 54 diện tích 265,1m² loại đất ở (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 285757 ngày 06/11/2007).

Tại các biên bản xác minh, UBND xã G cung cấp: theo bản đồ giải thửa 299 được vẽ theo tỷ lệ 1/2000, chiều rộng thửa đất 811^A, tờ bản đồ số 17 của bà Huỳnh Thị T là 5,5 mm tương đương 11m. Chiều rộng thửa đất 810^P, tờ bản đồ số 17 của ông Võ B1 là 3 mm tương đương 6m.

Diện tích đất của hộ ông Võ B1 giảm vì lý do ông Võ B1 bán cho bà Nguyễn Thị M (nay do cháu ngoại là NLC5 đang khai thác sử dụng) theo thửa đất số 810^O, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m² (nay là thửa đất số 142, tờ bản đồ số 54 diện tích 140,6m²) và một phần diện tích do nhà nước thu hồi có đền bù cho công trình khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc (phần này nằm ở hướng đông của thửa đất). Hộ bà Huỳnh Thị T đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 811^A, tờ bản đồ số 17, diện tích 250m²; sau đó đến năm 2007 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi thành thửa đất 143, tờ bản đồ số 54, diện tích 265,1m². Diện tích của hộ bà T có tăng nhưng hình thể thửa đất không thay đổi, phù hợp với bản đồ 299 (chiều rộng thửa đất vẫn là 11,4m) và sai số đo đạc.

Từ trước đến nay hộ gia đình ông NLC5 không có tranh chấp khiếu nại gì đến UBND xã G. Riêng hộ ông Võ Văn B năm 2006 có khiếu nại, tranh chấp đất với hộ bà Huỳnh Thị T.

Kết quả định giá ngày 03/7/2020 xác định như sau:

Thửa đất số 810^P, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54) của ông Võ Văn B có diện tích là 537,9m²; kích thước các cạnh đúng như mô tả trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 126326 ngày 07/12/2017 cấp cho ông Võ Văn B; trong đó: chiều rộng Đông = 6,4m;

Thửa đất số đất 811A, tờ bản đồ số 17 nay là thửa đất số 143, tờ bản đồ số 54 của bà Huỳnh Thị T có diện tích là 265,1m², kích thước các cạnh đúng như mô tả trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 285757 ngày 06/11/2007, riêng chiều rộng đông = 11,4m - phù hợp với bản đồ 299.

Phần đất tranh chấp nằm giữa hai thửa đất trên: Có một phần đất trống và một phần gian nhà cấp 4 (mái ngói, trần thạch cao, gạch ceramic, chiều cao trung bình >= 4m, mã hiệu N5) do bà Tuyết xây năm 2018, có đơn giá 2.824.000đ/m²; kích thước:

- + Rộng đông = 1m (phần xây dựng nhà) + 0,4 m đất trống giữa 02 thửa đất.
- + Rộng tây 1,4m;
- + Dài bắc, dài nam = 14,35 m. Tổng diện tích đất tranh chấp: 20,09m².

Giá trị phần nhà tranh chấp (bức tường phía nam gian nhà cấp 4 của bà Tuyết không thuộc phần đất tranh chấp) có giá: $14,35\text{m} \times 1\text{m} \times 2.824.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,15 \times 0,87 = 40.544.600\text{đ}$.

Đất ở nông thôn có giá: $209.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Đất vườn hạng 1 = $1,5 \times$ trồng cây lâu năm hạng 1, vị trí 1 có giá: $72.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Ông Võ Văn Bảy căn cứ vào chứng cứ gốc là Giấy bán đoạn mãi đất ngày 21/10/1959 (BL số 06) để cho rằng chiều ngang thửa đất số 810^P, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54) do cha ông - ông Võ B1 mua có chiều ngang (tức rộng đông) là 14m, do đó sau khi bán cho bà Nguyễn Thị M một phần diện tích có chiều ngang khoảng 5,68m thì xác định chiều ngang thửa đất của ông còn lại là 8,4m so thực tế và thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,4m là thiếu - là không phù hợp với nội dung chứng cứ đã cung cấp; **BL số 06 chỉ thể hiện diện tích thửa đất là 14 thước**, không ghi chiều ngang thửa đất bán. Ông B còn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 1,4m x 14,35m nằm ở giữa hai thửa đất mà bà T xây dựng một phần ngôi nhà cấp 4 chiều ngang 1m, đất trống 0,4m là đất thuộc thửa đất của ông do bà T lấn chiếm nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh (lời khai xác nhận của các anh chị em của ông B không có giá trị chứng minh). Hơn nữa vào ngày 14/11/2017 ông B và các anh chị em của ông đã ký văn bản phân chia tài sản thừa kế, xác nhận diện tích, tứ cận của thửa đất này (có xác nhận của UBND xã G, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B). Do đó, đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 91, 147, 228, 229 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai 2013; Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2015: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Bảy. Án phí và chi phí định giá theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Bị đơn là bà Huỳnh Thị Tuyết; những người làm chứng là: ông NLC4, bà NLC1, bà NLC2, bà NLC3, ông NLC8, ông NLC5, ông NLC10 - vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Nguyên thửa đất số 810^P, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54) tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định - là do ông Võ B1 (cha ông Võ Văn B) mua của bà Nguyễn Thị V vào ngày 21/10/1959, có Giấy bán đoạn mãi đất (BL số 06). Sau đó năm năm 1985 ông Võ B1 cắt một phần diện tích thửa đất

bán cho bà Nguyễn Thị M khoảng 180m² đất (chiều ngang khoảng 5,68m, dài hết đất). Khi nhà nước đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì: thửa đất còn lại của ông (Võ B1) là thửa đất số 810^P, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m² gồm: 400m² đất ở, 300m² đất trồng cây hàng năm khác; vào năm 2014 nhà nước thu hồi có đền bù 145,7m² (nằm ở hướng đông tức là phía sau của thửa đất) để xây dựng công trình khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc. Năm 2017 cấp đổi là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9m² trong đó: 400m² đất ở, 137,9m² đất trồng cây hàng năm khác). Thửa đất bán cho bà Nguyễn Thị M là thửa số 810^o, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m² (nay ông NLC5 quản lý, sử dụng).

[2] Như vậy, diện tích đất thửa số 810^P, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54) giảm vì lý do năm 1985 ông Võ B1 đã bán cho bà Nguyễn Thị M một phần diện tích là 180m² và năm 2014 nhà nước thu hồi có đền bù một phần diện tích (145,7m²) để xây dựng công trình khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc.

[3] Ông Võ Văn B căn cứ vào chứng cứ gốc là Giấy bán đoạn mãi đất ngày 21/10/1959 (BL số 06) để cho rằng chiều ngang thửa đất số 810^P, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54) do cha ông - Võ B1 mua có chiều ngang (tức rộng đông) là 14m, do đó sau khi bán cho bà Nguyễn Thị M một phần diện tích có chiều ngang khoảng 5,68m thì xác định chiều ngang thửa đất của ông còn lại là 8,4m so thực tế thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,4m là thiếu. Lời nại này của ông B là không phù hợp với nội dung chứng cứ đã cung cấp, BL số 06 chỉ thể hiện **diện tích** thửa đất là **14 thước**, không ghi chiều ngang thửa đất bán.

[4] Ông B còn cho rằng diện tích phần đất tranh chấp có diện tích 1,4m x 14,35m nằm ở giữa hai thửa đất mà bà T xây dựng một phần ngôi nhà cấp 4 chiều ngang 1m, đất trống 0,4m là đất thuộc thửa đất của ông, do bà T lấn chiếm nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh (lời khai xác nhận của các anh chị em của ông B không có giá trị chứng minh). Các bên sử dụng đất ổn định, từ trước năm 2000 không có tranh chấp, đường luống nằm phía Bắc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 (của ông B) thì đã có từ năm 1996, ranh giới giữa thửa đất hộ ông B và hộ bà T thì không có tường rào cố định. Tuy nhiên năm 1996 khi làm mái hiên, bà T có làm một đoạn tường rào ở phía trước của thửa đất nằm sát vách tường nhà ông Võ B1, ngăn không cho người khác đi theo mái hiên vào nhà đất của bà - có xác nhận của người làm chứng là bà NLC7 là người sống đối diện. Bên ông B cũng không có tranh chấp, khiếu nại gì. Hơn nữa vào ngày 14/11/2017 ông B và các anh chị em của ông B đã ký văn bản phân chia tài sản thừa kế, xác nhận diện tích, hình thể, tứ cận của thửa đất này (có xác nhận của UBND xã G, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B). Đồng thời ông Võ Văn B cũng có đơn xác nhận nhà ở vào ngày 09/11/2017 thể hiện nhà, đất ông ở của cha mẹ từ năm 2000 không tranh chấp.

[5] Hộ bà Huỳnh Thị T đăng ký kê khai và được cấp Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 811^A, tờ bản đồ số 17, diện tích 250m² (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định); sau đó đến năm 2007 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi thành thửa đất 143, tờ bản đồ số 54, diện tích 265,1m². Diện tích đất của hộ bà T có tăng nhưng hình thể thửa đất không thay đổi, phù hợp với bản đồ giải thửa 299 (chiều rộng thửa đất vẫn là 11m) và sai số đo đạc.

Kết quả xem xét, định giá tài sản thể hiện chiều rộng đông của cả hai thửa đất của ông B và bà T phù hợp so với bản đồ giải thửa 299 và xác định hình thể của hai thửa đất này không thay đổi. Vì vậy việc ông B nại rằng chiều rộng thửa đất của bà T tăng lên thành 11m là do lấn chiếm đất của ông là không phù hợp với thực tế, không có chứng cứ để chứng minh.

[6] Xét lời khai của ông Võ Văn B và các người làm chứng về việc: năm 1985 bà Huỳnh Thị T có bán diện tích đất phía bắc cho ông NLC10 (giáp với thửa đất của ông NC6) để ông NLC10 đổi đất với ông NLC6 là vào thời điểm trước khi nhà nước lập bản đồ giải thửa 299, bản đồ được thành lập theo tinh thần Chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu: phục vụ cho việc thống kê đất đai, đăng kí đất đai ban đầu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất ở thuộc khu vực nông thôn trên phạm vi cả nước. Các bên đã công nhận hiện trạng đất của mình và diện tích bán đã không còn trong diện tích đăng ký để nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lời nại của ông B cho rằng diện tích đất của bà T đã bán nhưng vẫn tăng sau khi đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do lấn đất của ông là không phù hợp thực tế và hồ sơ địa chính của hai thửa đất nên không có căn cứ xác định diện tích đất rộng 1,04m dài 14,35m (nằm giữa, dọc theo hai thửa đất trên) hiện bà Huỳnh Thị T và bà NLQ1 đang quản lý sử dụng là đất thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn B.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc buộc bà Huỳnh Thị T và bà NLQ1 đập một phần gian nhà cấp 4 mà bà NLQ1, bà T xây năm 2018 trả lại diện tích đất tranh chấp có kích thước: rộng 1,04m, dài 14,35m² (dọc theo thửa đất) cho ông B khai thác sử dụng không có chứng cứ để chứng minh, không phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 166, 170 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 163 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của bà T và bà NLQ1 về việc không chấp nhận tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp 4 mà N5 xây năm 2018 để trả đất (1,4m x 14,35m) cho ông Võ Văn B là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc: Ông Võ Văn B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (vì yêu cầu của ông B không được chấp nhận).

[11] Về chi phí định giá: là 2.500.000đ; ông Võ Văn B phải chịu (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 163 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về buộc bà Huỳnh Thị T và bà NLQ1 tháo dỡ một phần gian nhà cấp 4 mà bà NLQ1, bà T xây dựng năm 2018 để trả lại diện tích đất tranh chấp (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T1, tỉnh Bình Định) có diện tích: $1,4m \times 14,35m = 20,09m^2$ - cho ông B khai thác sử dụng vì không có chứng cứ để chứng minh, không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Bà Huỳnh Thị T và NLQ1 không phải tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp 4 mã N5 xây năm 2018, không phải giao trả đất ($1,4m \times 14,35m$) cho ông Võ Văn B.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0009421 ngày 13/5/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu. Ông Võ Văn B đã nộp đủ án phí.

- Chi phí định giá: ông Võ Văn B phải chịu 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) - đã nộp xong.

3/ Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Võ Văn Bảy yêu cầu hộ bà.

Ông Võ Văn Bảy được được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL126326 ngày 07/12/2017 đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 diện tích 537,9 m² (nguồn gốc đất: ông Bảy nhận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông để lại do được cấp đất theo quyết định 64/CP của Chính phủ cấp cho hộ ông Võ Ba theo thửa đất số 810 P, tờ bản đồ số 17 diện tích 700m²).

Hình thể và tứ cận thửa đất từ hộ ông Võ Ba chuyển sang ông Võ Văn Bảy không thay đổi và không có tranh chấp gì (thể hiện trong hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn Bảy vào ngày 14/11/2017, ông Võ Văn Bảy cùng các anh chị em trong gia đình (gồm: Võ Thị Sáu, Võ Thị Tám, Võ Thị Thu, Võ Thân) thực hiện các thủ tục thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 54 ông Võ Văn Bảy thực hiện nghĩa vụ đối với diện tích 537,9 m² (chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Ba với diện tích 700 m² là so đã có đền bù cho công trình khu tưởng niệm cũ nguyên sinh sắc 145,7 m² và sai so do đo đạc 16,4m²). Đây là sự tự nguyện của ông Võ Văn Bảy và mâu thuẫn với chứng cứ mà ông Võ Văn Bảy cung cấp là đơn xác nhận ngày 28/8/2020 và các nhân chứng ông Võ Thân, bà Võ Thị Thu, bà Võ Thị Tám, bà Võ Thị Sáu.

bà huỳnh thị tuyết được cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 811A, tờ bản đồ số 17 diện tích 250 m² loại đất ở (chiều rộng tây theo bản đồ giải thửa 299 là 11m) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL285757 của bà huỳnh thị tuyết ngày 06/11/2007 của UBND huyện tây sơn và cl126326 của ông võ văn bảy ngày 07/12/2017 của sở tài nguyên môi trường tỉnh bình định. đến năm

2007 được cấp đổi thành thửa đất số 143, tờ bản đồ số 54 diện tích 265,1 m² loại đất ở (chiều rộng tây là 8,4m).

Theo biên bản vì vậy nghị nên công nhận hiện trạng của hai thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL285757 của bà huỳnh thị tuyết ngày 06/11/2007 của UBND huyện tây sơn và cl126326 của ông võ văn bảy ngày 07/12/2017 của sở tài nguyên môi trường tỉnh bình định. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông võ văn bảy. về việc đòi lại rộng tây 1,04m dài dọc theo thửa đất tức là đập gian nhà cấp 4 mà bà thủy, bà tuyết xây năm 2018 trả lại đất trống cho ông khai thác sử dụng.

trööøng hôïp baün àùn ñöôïc thi haønh theo qui ñònh tại Ñieàu 2 Luaät Thi haønh àùn dân sôï, thì ngôôøi ñöôïc thi haønh àùn dân sôï, ngôôøi phaûi thi haønh àùn dân sôï coù quyeàn thoaû thuaän thi haønh àùn, quyeàn yeâu caàu thi haønh àùn, töï nguyeän thi haønh àùn hoaëc bò côôõng cheá thi haønh àùn theo qui ñònh tại caùc Ñieàu 6,7 vaø 9 Luaät Thi haønh àùn dân sôï, thôøi hieäu thi haønh àùn ñöôïc thöïc hieän theo qui ñònh tại Ñieàu 30 Luaät Thi haønh àùn dân sôï./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa